

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Hoàng Anh

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên họp:** Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự thụ lý số 360/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 2222/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1991

Địa chỉ: D, khu phố F, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Lê Ngọc T1 (N, Le Ngoc T2), sinh năm 1992

Địa chỉ: E S, S, CA I, USA.

NỘI DUNG VỤ VIỆC:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đề ngày 19/7/2023;
Người yêu cầu – ông Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Lê Ngọc T1 (N, Le Ngoc T2) trình bày:

Ông T và bà T2 quen nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77 do Ủy ban nhân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/2018. Sau khi kết hôn, hai người bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Đến năm 2019, hai người đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T và bà T2 thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Ông **T** và bà **T2** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự. Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt, nên Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết việc dân sự: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông **T** và bà **T2**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về thẩm quyền: Ngày 19/7/2023, ông **T** và bà **T2** có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Người yêu cầu là bà **T2** hiện đang cư trú tại Hoa Kỳ, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về yêu cầu giải quyết việc dân sự vắng mặt: ông **T** và bà **T2** có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt ông **T** và bà **T2**.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 77 do Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/2018, thì giữa ông **T** và bà **T2** là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày thống nhất của ông **T** và bà **T2** thì trong thời kỳ hôn nhân, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và khoảng cách địa lý. Do nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên giữa ông **T** và bà **T2** thuận tình ly hôn. Xét cả hai hiện có khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng càng phai nhạt, đây là căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **T** và bà **T2**.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì ông **T** và bà **T2** mỗi người phải chịu lệ phí sơ thẩm là 150.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 367, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19 và Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông **Nguyễn Phước T** và bà **Nguyễn Lê Ngọc T1 (N, Le Ngoc T2)**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Phước T** và bà **Nguyễn Lê Ngọc T1 (N, Le Ngoc T2)** thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông **Nguyễn Phước T** và bà **Nguyễn Lê Ngọc T1 (N, Le Ngoc T2)** mỗi người phải chịu lệ phí sơ thẩm là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001205 ngày 20/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố

Hồ Chí Minh. Nguyễn Phước T và bà Nguyễn Lê Ngọc T1 (N, Le Ngoc T2) đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM
- Cục THADS Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- UBND Q. 2, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (15).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Hoàng Anh